

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO BẰNG
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 179A/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 14/11/2018

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG – TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nông Văn Vụ

2. Ông Luân Văn Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Mã Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Giang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2018/QĐXX-ST ngày 01 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thùy L - sinh năm 1987;

Nơi đăng ký HKTT: tổ B, thị trấn T, huyện N, tỉnh Cao Bằng; "Có mặt".

2. *Bị đơn:* Nguyễn Văn A - sinh năm 1983;

Nơi đăng ký HKTT: tổ B, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng

Chỗ ở hiện nay: tổ B, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; "Vắng mặt, có lý do".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03 tháng 9 năm 2018, Bản tự khai ngày 30 tháng 10 năm 2018 và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thùy L trình bày: chị L và anh A chung sống với nhau từ tháng 3/2011, kết hôn tự nguyện, được tìm hiểu, không tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, đăng ký kết hôn ngày 31 tháng 3 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Chung, thị xã Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng (nay là phường Hòa Chung, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng). Thời điểm kết hôn chị L ở nhà làm vườn.

Về quá trình chung sống vợ chồng: sau khi kết hôn chị L và anh A chung sống không hòa thuận hạnh phúc. Nguyên nhân nảy sinh mâu thuẫn là do anh A uống rượu say không kiểm soát được bản thân nên chửi bới, đập phá đồ đạc và đánh đập chị L. Hai anh chị đã ly thân từ ngày 15/8/2011, khoảng tháng 9/2011 anh A vào nhà ngoại sống để gần vợ con và để bớt đi việc uống rượu nhưng chỉ được 01 (một) tháng anh A lại quay trở về nhà anh A, việc uống rượu của anh A cũng không bớt đi. Từ khi ly thân chị L có về sống ở nhà chồng nhiều lần nhưng mỗi lần chỉ được một thời gian ngắn do anh A tiếp tục uống rượu rồi đánh đập chị L, sự việc đã được Công an phường Hòa Chung lập biên bản. Khoảng tháng 11-12/2016, anh A có hành vi đánh chị L nên đã bị Công an phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng lập biên bản và xử phạt vi phạm hành chính. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hòa giải nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: trong quá trình chung sống vợ chồng chị L và anh A có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Thu H - sinh ngày 15/7/2011 (giới tính: nữ). Khi ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con thành niên. Chị L không yêu cầu anh A cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: chị L xác định tài sản chung không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị L xác định nợ chung không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 29 tháng 10 năm 2018, biên bản hòa giải ngày 30/10/2018, bị đơn Nguyễn Văn A trình bày: anh A và chị L kết hôn năm 2011, kết hôn tự nguyện, có sự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới ở một bên gia đình. Anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã C, tỉnh Cao Bằng (nay là phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng). Khi kết hôn anh A ở nhà làm vườn.

Về quá trình chung sống vợ chồng: sau khi kết hôn anh A và chị L chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng không hợp nhau, chị L đã tự ý bỏ đi từ năm 2011 đến nay. Từ khi bỏ đi thỉnh thoảng chị L có về thăm nhà nhưng quan hệ vợ chồng, việc thực hiện bổn phận của người vợ, người con trong gia đình đã không còn. Anh A xác nhận anh có uống rượu nhưng không đến mức như chị L trình bày, anh vẫn đi làm việc bình thường. Anh A xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh A xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng chị L và anh A có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Thu H - sinh ngày 15/7/2011 (giới tính: nữ). Khi ly hôn anh A yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con thành niên. Anh A không yêu cầu chị L cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: anh A xác định tài sản chung không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bị đơn xác định nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Văn A vắng mặt phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất vắng mặt nhưng bị đơn đã có đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn (anh A).

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thùy L xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể hòa hợp với nhau được nữa, nếu có kéo dài cuộc sống chung cũng không đem lại hạnh phúc cho nhau nên vẫn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia tố tụng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật; tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Điều 239, 241, 242, 243, 247, 248, 249, 250, 254, 258).

- Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS năm 2015. Bị đơn không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

* Về việc giải quyết vụ án:

+ Về tình cảm: bà L và ông A chung sống với nhau từ năm 2011, kết hôn tự nguyện, trên cơ sở tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã C, tỉnh Cao Bằng (nay là phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng). Cuộc sống của bà L ông A hòa thuận, hạnh phúc trong một thời gian ngắn rồi phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông A suốt ngày uống rượu say, khi say rượu ông A đã có hành vi đập phá đồ đạc và đánh bà L, ông bà đã ly thân từ 2011. Từ khi ly thân vợ chồng không còn sự quan tâm chăm sóc đến nhau nữa. Bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hòa giải nên đã làm đơn xin ly hôn.

- Về con chung: có 01 (một) con chung tên là Nguyễn Thị Thu H - sinh ngày 15/7/2011.

- Về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa mâu thuẫn của hai người đã được làm rõ, bà L mâu thuẫn với ông A do ông A suốt ngày say rượu, đập phá đồ đạc, đánh đập vợ con. Hai người đã sống ly thân từ năm 2011, gia đình nội, ngoại cũng đã cho ông A vào trong huyện N sống để gần vợ con, tránh xa rượu chè được hơn 01 tháng nhưng ngày nào ông A cũng say rượu. Việc ông A say rượu chửi bới vợ, đập phá đồ đạc đã được xác minh: Biên bản xác minh ngày 29/10/2018 tại tổ B, phường H,

thành phố C nguyên nhân là do ông A thường xuyên say rượu về gây rối đánh chửi vợ... bà L không sinh sống tại địa phương nhiều năm.

- Về con chung: anh chị có 01 (một) con chung tên là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 15/7/2011. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng chị L tại tổ B, thị trấn T, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Tòa án cũng đã tiến hành lấy lời khai của con chưa thành niên cháu Nguyễn Thị Thu H. Cháu H cũng có nguyện vọng được sinh sống cùng với mẹ, vì mẹ cháu là người nuôi dưỡng chăm sóc cháu từ nhỏ, bố hay say rượu không thể chăm sóc được, bố hay say rượu nên cháu rất sợ bố.

- Về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử:

+ Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Xử chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thùy L được ly hôn ông Nguyễn Văn A;

- Về con chung: cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh 15/7/2011 bà L nuôi dưỡng và giáo dục, không yêu cầu ông A góp phí tổn.

- Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử ra bản án đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: nội dung vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Bị đơn Nguyễn Văn A vắng mặt phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất vắng mặt nhưng đã có đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: chị L và anh A chung sống với nhau từ năm 2011, kết hôn tự nguyện, trên cơ sở tìm hiểu, không tổ chức lễ cưới. Chị L anh A đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã C, tỉnh Cao Bằng (nay là phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) ngày 31 tháng 3 năm 2011. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thùy L và anh Nguyễn Văn A kết hôn tự nguyện, có sự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn theo đúng trình tự thủ tục quy định. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh A là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Về quá trình chung sống vợ chồng: sau khi kết hôn chị L anh A chung sống hòa thuận hạnh phúc chỉ một thời gian ngắn rồi phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh A thường xuyên uống rượu say, khi say rượu anh A không làm chủ được bản thân nên đã có hành vi đập phá đồ đạc và đánh chị L. Vì vậy, từ ngày 15/8/2011 chị L đã về nhà mẹ đẻ sinh sống. Chị L và anh A đều xác định thời điểm bắt đầu ly thân là ngày 15/8/2011. Sau khi ly thân anh A và chị L đã tìm cách để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn không được khắc phục mà càng nghiêm trọng hơn. Ngày 08/9/2016, anh A đón chị L từ nơi làm việc về nhà và có hành vi chửi bới, đuổi đánh chị L và đập phá xe máy của chị L. Sự việc đã được quần chúng nhân dân trình báo Công an phường Hòa Chung, Công an phường Hòa Chung đã tiến hành lập biên bản sự việc và tiến hành lấy lời khai của những người liên quan. Ngày 17/12/2016, anh A có hành vi hành hung chị L, sự việc đã được Công an phường Sông Hiến lập hồ sơ và ra Quyết định số 01/QĐ-XPHC ngày 09/01/2017, xử phạt bằng hình thức phạt tiền.

Quan hệ hôn nhân không chỉ là quan hệ mang tính pháp lý mà còn là quan hệ tình cảm giữa người với người. Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

1. *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

2. *Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.*

Tại phiên tòa, nguyên đơn (chị L) và ý kiến của anh A tại Biên bản hòa giải ngày 30/10/2018 đều khẳng định: đến nay hai anh chị không khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, anh chị vẫn sinh sống mỗi người một nơi, không quan tâm đòai hoài gì đến nhau nữa. Cả hai anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu ly hôn anh A đồng ý. Bên cạnh đó, Hội đồng xét xử nhận thấy anh A có hành vi bạo lực gia đình, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

Về con chung: hai đương sự xác nhận có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Thu H - sinh ngày 15/7/2011 (giới tính: nữ). Hiện nay cháu đang sinh sống cùng chị L tại tổ B, thị trấn T, huyện N, tỉnh Cao Bằng. Khi ly hôn cả hai đương sự đều yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con cho đến khi con thành niên và không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng. Hội đồng xét xử nhận thấy, từ ngày 15/8/2011 chị L đưa con về nhà ngoại sống, chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu từ khi sinh ra cho đến nay. Anh A mặc dù có yêu cầu được trực tiếp nuôi con nhưng không chứng minh được điều kiện chăm sóc, nuôi dạy con. Kết quả xác minh tại địa phương cũng như Công an phường Hòa Chung cho thấy anh A là người thường xuyên uống rượu say, khi say rượu mất kiểm soát dẫn đến có hành vi bạo lực với vợ, đập phá đồ đạc trong gia đình. Cũng do điều kiện sức khỏe không đảm bảo nên anh A hiện nay không có việc làm ổn định, không thể tự nuôi sống bản thân,

sống dựa vào mẹ đẻ. Vì vậy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con của anh A. Bên cạnh đó, cháu H đã được chị L nuôi dưỡng, chăm sóc từ nhỏ đến nay, việc thay đổi nơi cư trú, môi trường sinh hoạt của cháu là không cần thiết, thậm chí có thể ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của cháu. Cháu H cũng có nguyện vọng được sinh sống cùng với mẹ. Do đó, cần giao cháu Nguyễn Thị Thu H cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình có quy định: “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Tuy nhiên, do các bên đương sự không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết nên không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng đối với anh Nguyễn Văn A. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và cấp dưỡng được giải quyết theo quy định của pháp luật khi có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: hai đương sự cùng xác định tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thùy L đối với anh Nguyễn Văn A.

Xử: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thùy L và anh Nguyễn Văn A.

2. Về nuôi con chung: xử giao con chung Nguyễn Thị Thu H - sinh ngày 15/7/2011 (giới tính: nữ) cho chị Nguyễn Thùy L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên, không đặt ra việc cấp dưỡng cho con.

Việc thăm nom con sau khi ly hôn: sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về chia tài sản chung: hai đương sự cùng xác định tài sản chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: hai đương sự cùng xác định nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: chị Nguyễn Thị Thùy L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị L đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0000489 ngày 10 tháng 10 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Chị Linh đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: chị Nguyễn Thùy L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thúy Hằng